TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2019
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Ẩn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

2. Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Tấn H1** - sinh năm: 1978 (có mặt);

- *Bị đơn*: Chị **Bùi Thị H2** - sinh năm: 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Rạch S, xã Qưới T, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30-11-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh H1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 và chị Bùi Thị H2 do tự quen biết và được sự đồng ý của 02 bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào

tháng 4 năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Quới Thiện vào ngày 08 tháng 4 năm 2004.

Sau ngày cưới anh chị sống tại ấp Rạch S, xã Quới T, huyện V, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau trong thời gian dài. Tuy anh chị còn sống chung một nhà những đã ly thân nhau không ai quan tâm ai từ tháng 09 năm 2015 cho đến nay.

Nay anh H1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài nên anh H1 yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị H2.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2004, cháu Nguyễn Thành N1, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009 và cháu Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009. Cả 03 cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Trọng N2 có nguyện vọng muốn sống chung với chị H2. Sau khi ly hôn anh H1 đồng ý để 03 cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Trọng N2 cho chị H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H1 không cấp dưỡng nuôi 03 cháu Minh T3, Thành Nam, Trọng Nam

- Về tài sản chung: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn chị Bùi Thị H2:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H2 và anh H1 do tự quen biết và được sự đồng ý của 02 bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 4 năm 2004 và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Quới Thiện vào ngày 08 tháng 4 năm 2004.

Sau ngày cưới anh chị sống chung với cha mẹ ruột của anh H1 tại ấp Rạch Sâu, xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 có mối quan hệ với người phụ nữ khác khác bên ngoài, anh H1 thường xuyên hành hung chị H2. Anh chị đã sống ly than từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay.

Nay chị H2 không đồng ý ly hôn với anh H1 do chị còn thương anh H1 nên chị yêu cầu đoàn tụ.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2004, cháu Nguyễn Thành N1, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009 và cháu Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H1 thì khi ly hôn chị H2 có ý kiến tùy theo nguyện vọng của 03 cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Trọng N2; Nếu các cháu muốn sống với anh H1 thì chị đồng ý để anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; Ngược lại các con muốn sống chung với chị thì chị đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các bảng khai ý kiến cùng ngày 15 tháng 02 năm 2018 thì cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành N1 có nguyện vọng muốn sống chung với chị H2.

* Tại bảng khai ý kiến cùng ngày 15 tháng 02 năm 2018 thì cháu Nguyễn Trọng N2 có nguyện vọng muốn sống chung với chị H2.

** Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:*

- Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 03 giấy khai sinh (bản sao).

- Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Anh H1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa anh và chị H2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa xét xử sở thẩm hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị H2.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh H1 và chị H2 do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân nhân dân xã Quới Thiện vào ngày 08 tháng 4 năm 2004 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyễn nhân do anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cự với nhau, không tin tưởng lẫn nhau. Anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài, từ năm 2015 cho đến nay không thể hàn tình cảm để đoàn tụ chung sống; Điều đó, đã cho thấy hôn nhân giữa anh H1 và chị H2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Anh H1 và chị H2 thống nhất xác định có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2004, cháu Nguyễn Thành N1, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009 và cháu Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009. Cả 03 cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Trọng N2 có nguyện vọng muốn sống chung với chị H2. Anh H1 và chị H2 đều thống nhất theo nguyện vọng của các con. Do đó, ghi nhận sự nguyện thỏa thuận của anh H1 và chị H2 là giao 03 cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Trọng N2 cho chị H2 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị H2 không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi 03 cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Trọng N2.

- *Về tài sản chung:* Anh H1 và chị H2 thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Anh H1 và chị H2 thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh H1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, **Đ**iều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**** Tuyên xử:*** *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn H1*.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Tấn H1 được ly hôn với chị Bùi Thị H2.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2004, cháu Nguyễn Thành N1, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009 và cháu Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009 cho chị Bùi Thị H2 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Tấn H1 không phải cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành N1 và Nguyễn Trọng N2.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Tấn H1 và chị Bùi Thị H2 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả****:*** Anh Nguyễn Tấn H1 và chị Bùi Thị H2 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Buộc anh Nguyễn Tấn H1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 000435 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Nguyễn Tấn H1 đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Chị Bùi Thị H2 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Ẩn

Nơi nhận:
- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu.